

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 786/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Nguyễn Hải Đăng

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1123/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Võ Trần Minh H. – sinh năm 1975

Địa chỉ : Số A đường B, phường C, quận Tân Bình, Tp. HCM.

- Bị đơn : Ông Trần Phạm Đăng Kh. – sinh năm 1980

Địa chỉ : Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM.

(Tại phiên tòa, bà Minh H. – có mặt, ông Đăng Kh. – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Võ Trần Minh H. trình bày:

Bà và ông Trần Phạm Đăng Kh. tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 đến nay thì tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng không phù hợp tính

tình, lối sống, không thống nhất hay chia sẻ trong mọi quyết định của gia đình, ông Kh. không còn quan tâm chăm sóc, bỏ mặc mọi việc cho bà tự quyết định. Không khí trong gia đình bà rất buồn chán, không ai quan tâm đến ai, khi cần có việc hỏi thì ông Kh. mới trả lời. Nay nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, bà yêu cầu xin ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Bà và ông Kh. có 1 người con chung tên Trần Võ Đăng K. – sinh ngày 16/6/2014. Do cháu K. là cháu trai duy nhất hiện nay của nhà nội nên bà đồng ý giao con chung cho ông Kh. trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà trình bày không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Trần Phạm Đăng Kh. vẫn vắng mặt. Ngày 22/6/2018, ông Kh. có trình bày ý kiến như sau: ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Trần Minh H. vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Trần Phạm Đăng Kh. vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định tại Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2014, quyền số 01/2014 ngày 10/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, thì quan hệ giữa bà Võ Trần Minh H. và ông Trần Phạm Đăng Kh. là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 16/3/2018, công an phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM xác nhận đương sự Trần Phạm Đăng Kh. hiện tạm trú tại số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM.

Do ông Kh. hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú và bà Võ Trần Minh H. nộp đơn khởi kiện (về việc ly hôn) tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* ông Trần Phạm Đăng Kh. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Phạm Đăng Kh.

[3] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Trần Minh H. trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự đang cư ngụ, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Minh H. và ông Đăng Kh. có mâu thuẫn như bà H. đã trình bày, hiện nay bà H. và ông Kh. không còn chung sống cùng nhà. Bên cạnh đó, ông Kh. có trình bày ý kiến: ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên ông Kh. không trình bày rõ lý do không đồng ý ly hôn và ông không đến tham gia vào tất cả các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Việc này thể hiện bị đơn ông Trần Phạm Đăng Kh. đã không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Trần Minh H. là có cơ sở.

- Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 107/2014, quyển sổ 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/7/2014 có căn cứ xác định trẻ Trần Võ Đăng K. – sinh ngày 16/6/2014 là con chung của ông Trần Phạm Đăng Kh. và bà Võ Trần Minh H. Do cháu K. là cháu trai duy nhất hiện nay của nhà nội nên nguyên đơn bà Võ Trần Minh H. đồng ý giao con chung cho ông Kh. trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn ông Trần Phạm Đăng Kh. có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trần Võ Đăng K. – sinh ngày 16/6/2014 cho ông Trần Phạm Đăng Kh. trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù bị đơn ông Trần Phạm Đăng Kh. không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng để đảm bảo cho quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành của nguyên đơn bà Võ Trần Minh H.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà H. và ông Kh. có cùng xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Trần Minh H.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Trần Minh H. phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Võ Trần Minh H. phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Trần Minh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Trần Minh H. được ly hôn với ông Trần Phạm Đăng Kh.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2014, quyền số 01/2014 ngày 10/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Võ Trần Minh H. và ông Trần Phạm Đăng Kh. không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Võ Đăng K. – sinh ngày 16/6/2014 cho ông Trần Phạm Đăng Kh. trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Trần Minh H. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng. Bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng, nếu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không thi hành, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Võ Trần Minh H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Trần Phạm Đăng Kh. cùng các thành viên trong gia đình không

được cản trở việc bà Võ Trần Minh H. thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: bà H. và ông Kh. có cùng xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Trần Minh H. phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010156 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Trần Minh H. phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền